

Số: /BC-SGDĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả khảo sát năng lực ngoại ngữ học sinh lớp 11 năm học 2025 - 2026

Căn cứ Công văn số 1557/SGDĐT-GDPT ngày 19 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục phổ thông năm học 2025 - 2026;

Thực hiện Kế hoạch số 3099/KH-SGDĐT ngày 10 tháng 4 năm 2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức khảo sát năng lực ngoại ngữ học sinh lớp 9 và lớp 11 năm học 2025 - 2026;

Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) báo cáo kết quả khảo sát năng lực ngoại ngữ học sinh lớp 11 năm học 2025 - 2026, cụ thể như sau:

1. Mục tiêu

- Khảo sát năng lực ngoại ngữ học sinh lớp 11 theo chuẩn đầu ra khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc quốc tế; đánh giá công tác giảng dạy ngoại ngữ tại các cơ sở giáo dục trung học, chuẩn bị cho việc triển khai thực hiện xây dựng Đề án “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2025 - 2035, tầm nhìn đến năm 2045”.

- Đánh giá kết quả, chất lượng giảng dạy và học tập của giáo viên, học sinh Thành phố Hồ Chí Minh trong năm học 2025 - 2026. Trên cơ sở kết quả đánh giá, đề xuất giải pháp phát huy điểm mạnh, khắc phục hạn chế trong công tác dạy và học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục trung học trên địa bàn Thành phố.

- Làm cơ sở để các tổ chuyên môn nâng cao hiệu quả sinh hoạt chuyên môn, thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ cuối năm theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học, đạt chất lượng cao, đúng quy chế, quy định của Bộ GDĐT.

2. Đối tượng, nội dung, hình thức khảo sát, tiến độ thực hiện

2.1. Đối tượng khảo sát

100% học sinh lớp 11 tại các trường trung học phổ thông (THPT) (hoặc trường phổ thông nhiều cấp học có cấp THPT) công lập và ngoài công lập trên địa bàn Thành phố.

2.2. Nội dung, cấu trúc đề, hình thức khảo sát

- Xây dựng ba bộ đề thi, mỗi đề thi là 40 câu trắc nghiệm. Mỗi bộ đề khảo sát gồm 10 câu Listening, 20 câu Use of English, 5 câu Reading và 5 câu Writing, xây

dựng theo hướng tích hợp với 3 mức độ: nhận biết, thông hiểu, vận dụng. Bộ đề được thiết kế với độ khó tăng dần và có sự phân hóa; tập trung vào kiến thức cốt lõi, khảo sát khả năng vận dụng kiến thức đã học qua 25 tuần học đầu tiên.

- Các câu hỏi, bài tập được xây dựng theo hướng đánh giá kiến thức cơ bản và năng lực vận dụng năng lực ngoại ngữ vào thực tiễn của học sinh, phù hợp theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực. Các bộ đề được xây dựng theo ma trận, bảo đảm tính tương đương giữa các ca thi.

- Học sinh thực hiện bài khảo sát bằng hình thức trực tuyến trên máy tính hoặc các thiết bị thông minh (máy tính bảng, điện thoại thông minh,...).

3.3. Tiến độ thực hiện

- Tổ chức thử nghiệm hệ thống vào các ngày 14/5/2026; 15/5/2026.
- Tổ chức khảo sát chính thức vào ngày 2 ngày: 18/5/2026, 19/5/2026.
- Ngày 20/5/2026: Tổ chức khảo sát đối với những học sinh không thể thực hiện bài khảo sát chính thức vì các lý do chính đáng.

3. Phân tích kết quả khảo sát

3.1. Số lượng trường, học sinh tham gia khảo sát

- Tổng số trường đăng ký dự khảo sát: 268 trường có cấp THPT.
- Tổng số học sinh dự khảo sát: 121.642 học sinh.
- Tổng số học sinh vắng: 4.988 học sinh, chiếm 0,04%.
- Tổng số học sinh nộp bài có điểm: 116.623 học sinh, chiếm 95,87%.
- Tổng số học sinh gặp lỗi nộp bài: 32 học sinh, chiếm 0,0002%.

3.2. Phân tích kết quả

- *Kết quả ghi nhận từ hệ thống theo từng mức điểm như sau:*

Khoảng điểm	Số học sinh	Tỉ lệ
< 1	5.157	0,04%
1 – <2	1.250	0,01%
2 – <3	10.116	8,3%
3 – <4	17.448	14,3%
4 – <5	13.712	11,3%
5 – <6	12.510	10,3%
6 – <7	14.138	11,6%
7 – <8	17.328	14,2%

Khoảng điểm	Số học sinh	Tỉ lệ
8 – <9	18.698	15,4%
9 – <10	10.163	8,4%
10	1.122	0,9%
	121.642	



Phổ điểm phân bố theo hình dạng lệch phải, đỉnh tập trung ở khoảng 7 - 9 điểm (cụ thể: khoảng 7–8 có 17.328 học sinh; khoảng 8–9 có 18.698 học sinh). Điều này cho thấy mặt bằng học sinh đại trà đạt yêu cầu nhưng chưa có nhiều học sinh đạt điểm cao, đặc biệt là ≥ 9 điểm chỉ chiếm 8,4%. Kết quả cho thấy đề khảo sát có khả năng phân loại học sinh tốt, số lượng học sinh tăng dần từ điểm thấp lên trung bình rồi giảm dần ở điểm cao.

- Kết quả khảo sát theo từng đề:

Câu hỏi	Số HS trả lời	Số HS trả lời sai	TL sai	Số HS trả lời đúng	TL đúng	Nhóm câu hỏi
Câu 1	38.520	22.337	58%	16.183	42%	Listening
Câu 2	38.541	11.828	31%	26.713	69%	Listening
Câu 3	38.556	16.793	44%	21.763	56%	Listening
Câu 4	38.557	9.576	25%	28.981	75%	Listening
Câu 5	38.554	19.539	51%	19.015	49%	Listening
Câu 6	38.565	17.261	45%	21.304	55%	Listening
Câu 7	38.570	17.384	45%	21.186	55%	Listening
Câu 8	38.565	25.344	66%	13.221	34%	Listening
Câu 9	38.568	20.378	53%	18.190	47%	Listening

Câu hỏi	Số HS trả lời	Số HS trả lời sai	TL sai	Số HS trả lời đúng	TL đúng	Nhóm câu hỏi
Câu 10	38.569	19.858	51%	18.711	49%	Listening
Câu 11	38.872	9.127	23%	29.745	77%	Use of English 1
Câu 12	38.867	13.100	34%	25.767	66%	Use of English 1
Câu 13	38.862	9.255	24%	29.607	76%	Use of English 1
Câu 14	38.854	17.439	45%	21.415	55%	Use of English 1
Câu 15	38.854	12.063	31%	26.791	69%	Use of English 1
Câu 16	38.856	20.075	52%	18.781	48%	Use of English 1
Câu 17	38.857	13.137	34%	25.720	66%	Use of English 1
Câu 18	38.857	11.028	28%	27.829	72%	Use of English 1
Câu 19	38.853	10.138	26%	28.715	74%	Use of English 1
Câu 20	38.852	14.313	37%	24.539	63%	Use of English 1
Câu 21	38.848	11.943	31%	26.905	69%	Use of English 2
Câu 22	38.848	11.354	29%	27.494	71%	Use of English 2
Câu 23	38.841	11.047	28%	27.794	72%	Use of English 2
Câu 24	38.841	14.870	38%	23.971	62%	Use of English 2
Câu 25	38.843	10.015	26%	28.828	74%	Use of English 2
Câu 26	38.852	17.569	45%	21.283	55%	Use of English 2
Câu 27	38.851	16.449	42%	22.402	58%	Use of English 2
Câu 28	38.841	7.741	20%	31.100	80%	Use of English 2
Câu 29	38.846	12.979	33%	25.867	67%	Use of English 2
Câu 30	38.830	9.951	26%	28.879	74%	Use of English 2
Câu 31	38.838	16.057	41%	22.781	59%	Reading
Câu 32	38.826	17.371	45%	21.455	55%	Reading
Câu 33	38.835	28.220	73%	10.615	27%	Reading
Câu 34	38.816	27.150	70%	11.666	30%	Reading
Câu 35	38.831	27.450	71%	11.381	29%	Reading
Câu 36	38.822	13.342	34%	25.480	66%	Writing
Câu 37	38.715	13.205	34%	25.510	66%	Writing
Câu 38	38.757	9.637	25%	29.120	75%	Writing

Câu hỏi	Số HS trả lời	Số HS trả lời sai	TL sai	Số HS trả lời đúng	TL đúng	Nhóm câu hỏi
Câu 39	38.778	15.597	40%	23.181	60%	Writing
Câu 40	38.840	20.362	52%	18.478	48%	Writing

Bảng 2 - Kết quả từng câu hỏi đề 1

Câu hỏi	Số HS trả lời	Số HS trả lời sai	TL sai	Số HS trả lời đúng	TL đúng	Nhóm câu hỏi
Câu 1	38.597	23.731	61%	14.866	39%	Listening
Câu 2	38.604	19.312	50%	19.292	50%	Listening
Câu 3	38.618	9.995	26%	28.623	74%	Listening
Câu 4	38.630	10.889	28%	27.741	72%	Listening
Câu 5	38.625	19.834	51%	18.791	49%	Listening
Câu 6	38.624	15.112	39%	23.512	61%	Listening
Câu 7	38.616	17.229	45%	21.387	55%	Listening
Câu 8	38.616	21.920	57%	16.696	43%	Listening
Câu 9	38.605	23.724	61%	14.881	39%	Listening
Câu 10	38.618	13.936	36%	24.682	64%	Listening
Câu 11	38.927	9.511	24%	29.416	76%	Use of English 1
Câu 12	38.931	5.949	15%	32.982	85%	Use of English 1
Câu 13	38.905	13.102	34%	25.803	66%	Use of English 1
Câu 14	38.935	12.004	31%	26.931	69%	Use of English 1
Câu 15	38.935	12.754	33%	26.181	67%	Use of English 1
Câu 16	38.939	10.489	27%	28.450	73%	Use of English 1
Câu 17	38.915	15.975	41%	22.940	59%	Use of English 1
Câu 18	38.939	21.626	56%	17.313	44%	Use of English 1
Câu 19	38.928	13.796	35%	25.132	65%	Use of English 1
Câu 20	38.933	9.150	24%	29.783	76%	Use of English 1
Câu 21	38.941	18.155	47%	20.786	53%	Use of English 2
Câu 22	38.915	15.543	40%	23.372	60%	Use of English 2
Câu 23	38.917	17.637	45%	21.280	55%	Use of English 2

Câu hỏi	Số HS trả lời	Số HS trả lời sai	TL sai	Số HS trả lời đúng	TL đúng	Nhóm câu hỏi
Câu 24	38.918	13.589	35%	25.329	65%	Use of English 2
Câu 25	38.917	9.038	23%	29.879	77%	Use of English 2
Câu 26	38.920	7.962	20%	30.958	80%	Use of English 2
Câu 27	38.915	15.495	40%	23.420	60%	Use of English 2
Câu 28	38.925	10.284	26%	28.641	74%	Use of English 2
Câu 29	38.916	13.884	36%	25.032	64%	Use of English 2
Câu 30	38.919	20.440	53%	18.479	47%	Use of English 2
Câu 31	38.912	20.233	52%	18.679	48%	Reading
Câu 32	38.899	19.634	50%	19.265	50%	Reading
Câu 33	38.901	21.595	56%	17.306	44%	Reading
Câu 34	38.895	21.678	56%	17.217	44%	Reading
Câu 35	38.894	20.737	53%	18.157	47%	Reading
Câu 36	38.866	18.942	49%	19.924	51%	Writing
Câu 37	38.793	11.136	29%	27.657	71%	Writing
Câu 38	38.838	18.913	49%	19.925	51%	Writing
Câu 39	38.861	11.886	31%	26.975	69%	Writing
Câu 40	38.897	21.003	54%	17.894	46%	Writing

Bảng 3 – Kết quả từng câu hỏi đề 2

Câu hỏi	Số HS trả lời	Số HS trả lời sai	TL sai	Số HS trả lời đúng	TL đúng	Nhóm câu hỏi
Câu 1	38,402	19,332	50%	19,070	50%	Listening
Câu 2	38,398	17,452	45%	20,946	55%	Listening
Câu 3	38,418	12,572	33%	25,846	67%	Listening
Câu 4	38,435	10,037	26%	28,398	74%	Listening
Câu 5	38,427	9,236	24%	29,191	76%	Listening
Câu 6	38,450	16,911	44%	21,539	56%	Listening
Câu 7	38,437	19,691	51%	18,746	49%	Listening
Câu 8	38,436	17,397	45%	21,039	55%	Listening

Câu hỏi	Số HS trả lời	Số HS trả lời sai	TL sai	Số HS trả lời đúng	TL đúng	Nhóm câu hỏi
Câu 9	38,429	22,190	58%	16,239	42%	Listening
Câu 10	38,427	20,287	53%	18,140	47%	Listening
Câu 11	38,743	14,550	38%	24,193	62%	Use of English 1
Câu 12	38,745	15,025	39%	23,720	61%	Use of English 1
Câu 13	38,736	13,352	34%	25,384	66%	Use of English 1
Câu 14	38,755	11,236	29%	27,519	71%	Use of English 1
Câu 15	38,739	13,232	34%	25,507	66%	Use of English 1
Câu 16	38,749	17,482	45%	21,267	55%	Use of English 1
Câu 17	38,752	11,271	29%	27,481	71%	Use of English 1
Câu 18	38,748	24,986	64%	13,762	36%	Use of English 1
Câu 19	38,732	9,804	25%	28,928	75%	Use of English 1
Câu 20	38,727	13,039	34%	25,688	66%	Use of English 1
Câu 21	38,749	11,200	29%	27,549	71%	Use of English 2
Câu 22	38,732	11,986	31%	26,746	69%	Use of English 2
Câu 23	38,746	8,228	21%	30,518	79%	Use of English 2
Câu 24	38,750	11,431	29%	27,319	71%	Use of English 2
Câu 25	38,743	12,013	31%	26,730	69%	Use of English 2
Câu 26	38,741	14,195	37%	24,546	63%	Use of English 2
Câu 27	38,739	9,718	25%	29,021	75%	Use of English 2
Câu 28	38,737	17,689	46%	21,048	54%	Use of English 2
Câu 29	38,728	11,718	30%	27,010	70%	Use of English 2
Câu 30	38,720	20,917	54%	17,803	46%	Use of English 2
Câu 31	38,727	25,588	66%	13,139	34%	Reading
Câu 32	38,717	25,576	66%	13,141	34%	Reading
Câu 33	38,721	20,534	53%	18,187	47%	Reading
Câu 34	38,711	16,694	43%	22,017	57%	Reading
Câu 35	38,706	21,035	54%	17,671	46%	Reading
Câu 36	38,667	13,220	34%	25,447	66%	Writing

Câu hỏi	Số HS trả lời	Số HS trả lời sai	TL sai	Số HS trả lời đúng	TL đúng	Nhóm câu hỏi
Câu 37	38,652	13,876	36%	24,776	64%	Writing
Câu 38	38,648	13,713	35%	24,935	65%	Writing
Câu 39	38,709	18,655	48%	20,054	52%	Writing
Câu 40	38,711	17,812	46%	20,899	54%	Writing

Bảng 3 – Kết quả từng câu hỏi đề 3

Từ kết quả khảo sát của từng đề với từng câu hỏi, có thể chỉ ra một số nguyên nhân khiến học sinh làm bài chưa tốt:

- Về kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ:

+ Vốn từ vựng của học sinh còn nghèo nàn, dẫn đến việc hiểu nghĩa từ chưa tốt, đặc biệt là trong các tình huống cần hiểu nghĩa từ gắn liền với ngữ cảnh cụ thể.

+ Học sinh thường chỉ chú trọng dấu hiệu hình thức của câu (ngữ pháp máy móc) mà chưa chú trọng nội dung và ý nghĩa của câu văn. Do đó, các em hiểu nghĩa câu, đoạn văn và nhận diện các yếu tố liên kết nội dung chưa tốt.

+ Đối với các câu hỏi thuộc phần Listening, nhiều học sinh chọn đáp án sai do ảnh hưởng của thói quen phát âm chưa chuẩn xác. Khả năng liên tưởng, cũng như vốn sống, vốn ngôn ngữ thực tế của học sinh còn hạn chế.

- Về kỹ năng, thái độ làm bài:

+ Nhiều trường hợp học sinh không đọc kỹ đề bài, dẫn đến việc chọn đáp án ngẫu nhiên. Điều này thể hiện rõ qua việc tỉ lệ trả lời sai tăng vọt ở nhóm các câu hỏi cuối cùng của bài thi (từ câu 30 đến câu 35 của cả 3 đề).

+ Học sinh chưa thực sự quen thuộc và chưa được rèn luyện nhiều về thao tác, kỹ năng phân bổ thời gian khi làm bài kiểm tra trắc nghiệm trực tiếp trên máy tính.

4. Nhận xét, kiến nghị

4.1. Nhận xét chung

Kết quả khảo sát phản ánh tương đối chính xác năng lực ngoại ngữ của học sinh khối 11. Phổ điểm phân bố theo hình dạng lệch phải, đỉnh tập trung ở khoảng 7 – 9 điểm cho thấy mặt bằng chung học sinh đại trà đạt yêu cầu. Điều này cho thấy công tác giảng dạy đã bám sát kiến thức cốt lõi qua 25 tuần học đầu tiên, nhưng vẫn cần tăng cường hơn nữa các phương pháp phát triển năng lực vận dụng ngoại ngữ vào thực tiễn.

Tuy nhiên, tỉ lệ học sinh đạt điểm giỏi (≥ 9 điểm) chưa cao (chỉ chiếm 8,4 %). Nguyên nhân phần lớn do vốn từ vựng của học sinh còn hạn chế, việc phát âm sai

cũng ảnh hưởng trực tiếp đến kỹ năng Listening đồng thời thói quen giải quyết bài tập bằng dấu hiệu ngữ pháp máy móc thay vì hiểu ý nghĩa ngữ cảnh cũng tác động đến kết quả khảo sát.

Bên cạnh đó, thái độ làm bài của một bộ phận học sinh chưa nghiêm túc (không đọc kỹ đề, nộp bài dưới 5-10 phút trong khi thời gian quy định là 40 phút) là một hạn chế cần được các nhà trường rà soát và khắc phục.

4.2. Một số kiến nghị

- Hiệu trưởng các nhà trường chỉ đạo tổ/nhóm chuyên môn Ngoại ngữ sử dụng kết quả khảo sát này để phân tích, đối chiếu với tình hình thực tế của đơn vị. Chú trọng phân tích các câu hỏi có tỉ lệ học sinh trả lời sai cao (như các câu 1, 8, 9, 33, 34, 35...) để điều chỉnh nội dung kế hoạch bài dạy, cách thức tổ chức dạy học; chú trọng cá nhân hóa và phân hóa đối tượng học sinh trong giảng dạy.

- Về phát triển toàn diện 4 kỹ năng: Tiếp tục chuyển từ dạy học tiếp cận nội dung (ngữ pháp hàn lâm) sang phát triển năng lực giao tiếp thực tiễn. Yêu cầu giáo viên chuẩn hóa ngữ âm, rèn luyện kỹ năng phát âm chuẩn ngay trên lớp để hỗ trợ trực tiếp cho kỹ năng Nghe; đa dạng hóa nguồn tài liệu đọc (báo chí, văn bản thực tế) để trau dồi vốn sống và vốn từ vựng; tăng cường sử dụng các tình huống gắn với thực tiễn, giúp học sinh mở rộng vốn từ vựng theo ngữ cảnh và rèn luyện kỹ năng Nghe - Đọc - Hiểu văn bản.

- Về chấn chỉnh thái độ học tập và kiểm tra: Hiệu trưởng các trường có học sinh nộp bài bất thường (dưới 5-10 phút) phải trực tiếp rà soát, làm việc với giáo viên chủ nhiệm và phụ huynh để chấn chỉnh nhận thức, thái độ của học sinh đối với các kỳ khảo sát năng lực.

- Về chuẩn bị hạ tầng dài hạn: Các cơ sở giáo dục phải tiếp tục nâng cấp, rà soát hệ thống đường truyền internet, phòng máy tính, và bắt buộc tổ chức cho học sinh làm quen với hệ thống phần mềm trước mọi kỳ khảo sát trong các năm học kế tiếp.

Trên đây là báo cáo kết quả khảo sát năng lực ngoại ngữ học sinh lớp 11 năm học 2025 - 2026./.

Nơi nhận:

- Giám đốc (để báo cáo);
- Các cơ sở giáo dục có cấp THPT (để thực hiện);
- Lưu: VT, GDPT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Bảo Quốc